

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/03/2021

**“V/v: Tranh chấp ly hôn”**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mộng Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Thiều Thị Phi Loan - Cán bộ hưu trí.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Kim Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:* Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2234/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc: **“Tranh chấp ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXX-ST ngày 26/01/2021, Quyết định hoãn phiên Tòa số 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm: 1993.**

Địa chỉ: tổ 86, khu phố 5, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1990.**

Địa chỉ: A4/61B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày:** bà và ông Nguyễn Thanh H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh

Đồng Nai. Vợ chồng sống không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã gây gổ nhau. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu tên là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày: 06/06/2011; Nguyễn Giao L, sinh ngày: 20/10/2017. Nếu Tòa giải quyết ly hôn bà xin nuôi 02 cháu, tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

**Bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.**

**\* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị H. Cho bà Mai Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

+ Về con chung: có 02 cháu tên là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày: 06/06/2011; Nguyễn Giao L, sinh ngày: 20/10/2017. Ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

+ Về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết

+ Về án phí: bà H phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bà Mai Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thanh Hiền vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H ông H là phù hợp.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Mai Thị H và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Tân V, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của bà H,

ông H là hợp pháp. Nay bà H xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

**[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà H:** bà H xin ly hôn với ông H với lý do bất đồng về vấn đề tình cảm và tiền bạc nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn. Về phía ông H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện mặc dù đã được Tòa án tổng đạt nhiều lần để làm việc, hòa giải, giao nhận chứng cứ và xét xử.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về địa chỉ của ông H và mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông H thì được biết ông H có hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại địa chỉ A4/61B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đối với mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông H thì địa phương không nắm được do đương sự không khai báo

Xét thấy yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải cho ông H lên Tòa làm việc cũng như hòa giải cho ông và bà H nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy bản thân ông đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình thì cho dù có hàn gắn đoàn tụ ông bà cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Cho bà H được ly hôn với ông H là phù hợp.

**[4] Về con chung:** có 02 cháu tên là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày: 06/06/2011; Nguyễn Giao L, sinh ngày: 20/10/2017, hiện các cháu đang sống với bà H. Ly hôn bà H có nguyện vọng xin được nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Trên cơ sở yêu cầu của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi con là bổn phận và trách nhiệm của các bậc cha mẹ, bà H có nguyện vọng nuôi con là chính đáng. Do ông H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện đồng thời nhằm ổn định cuộc sống của trẻ nên tiếp tục giao 02 cháu cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

**[5] Về cấp dưỡng nuôi con:** bà H không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**[6] Về tài sản chung:** bà H trình bày không có, ông H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

**[7] Về nợ chung:** bà H khai không có, ông H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

**[8] Về án phí HNGĐ sơ thẩm:** bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**[9]** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 203, điều 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2016;

- Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị H. Bà Mai Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: có 02 cháu tên là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày: 06/06/2011; Nguyễn Giao L, sinh ngày: 20/10/2017. Ly hôn giao 02 cháu cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông H không cấp dưỡng nuôi con. Ông H được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0007036 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND thành phố B(2);
- THA Dân sự thành phố B(1);
- TP B, tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND Phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai. (2)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Mộng Hà**